

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-PT

Ngày 09 - 08 - 2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Hữu Bình

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLPT-DS, ngày 11 tháng 07 năm 2022, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1./ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị U, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2./ *Bị đơn:* Bà Châu Thị G, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Châu Thị G: chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1995, theo văn bản ủy quyền số 2392 ngày 18/04/2022. Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ liên hệ: Số 192 đường P, khóm B, phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người làm chứng:

1/ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1956; địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

3/ Bà Trần Thị S, sinh năm 1967; địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Ông Dương Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Châu Thị G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày:

Vào ngày 08/9/2020, bà có nhờ bà Châu Thị G làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T đứng tên sang cho ông Dương Văn Ph, vì đất bà sang nhượng đất của ông T đã 25 năm nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà đứng tên. Biết bà Châu Thị G là người rành thủ tục giấy tờ nên bà có nhờ Bà Châu Thị G đi làm giấy tờ đất hộ. Lúc đầu, bà có hứa khi nào làm xong thủ tục, sẽ trả tiền công cho bà G bằng 7.000.000 đồng, nhưng do bà G nói không có tiền chi phí đi lại nên kêu bà đưa tiền trước. Bà G hứa với bà nếu làm không được giấy tờ sẽ trả lại số tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà. Do bà U không có tiền nên bà G mới chở bà đến nhà ông T (cha ruột của anh Ph) để mượn số tiền 7.000.000 đồng nhằm mục đích đưa lại cho bà G. Sau khi ông T đưa cho bà U mượn 7.000.000 đồng, thì bà đã đưa số tiền này lại cho bà G ngay. Lúc đưa tiền cho bà G thì cũng đưa tại nhà ông T, lúc đó khoảng 19 giờ cùng ngày có sự chứng kiến của chồng bà là ông Huỳnh Văn H và ông T, bà T (vợ ông T). Đến ngày 10/9/2020, bà Châu Thị G tiếp tục hỏi mượn bà số tiền 4.000.000 đồng, nói là mượn số tiền này để đưa cho ông Mã Văn X mua heo nuôi. Do bà không có tiền nên bà tiếp tục nhờ bà G chở bà đến nhà ông T mượn tiếp số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi mượn được tiền của ông T 4.000.000 đồng, bà đã đưa 4.000.000 đồng này ngay cho bà G (lúc đó là khoảng 12 giờ cùng ngày) có sự chứng kiến của ông T, bà T và bà Sương ở cùng ấp. Khi bà đưa số tiền 4.000.000 đồng này, bà G có hứa với bà là khoảng 04 ngày sau trả số tiền 4.000.000 đồng lại cho bà.

Đợi thời gian lâu nhưng không thấy bà G làm được giấy tờ đất, không trả tiền và cũng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần đi đòi lại. Sự việc sau đó được Công an huyện C giải quyết lúc đó bà G mới chịu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không chịu trả tiền. Nay bà yêu cầu bà Châu Thị G phải có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 11.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Châu Thị G và người đại diện hợp pháp của bà G trình bày và có yêu cầu như sau: Bà G thừa nhận trước đó có nhận làm giấy tờ đất cho bà Trần Thị U và bà U có hứa khi nào làm xong giấy tờ sẽ cho bà số tiền mười mấy triệu đồng. Do giấy tờ đất làm không được nên bà U chưa cho bà khoản tiền nào. Nay, bà U yêu cầu trả số tiền 11.000.000 đồng, bà không đồng ý,

vì nếu bà nhận tiền thì đã làm biên nhận.

Những người làm chứng trình bày như sau:

1./ Ông Huỳnh Văn H trình bày: Vào ngày 08/9/2020, lúc đó khoảng 19 giờ tối, ông cùng với bà Út, bà G đến nhà ông T để bà U mượn tiền của ông T, lúc đó ông chạy xe đạp điện còn bà U do bà G chở bằng xe Honda. Sau khi ông T đưa tiền cho bà U mượn 7.000.000 đồng thì ông thấy bà U đã đưa số tiền này cho bà G. Bà G có hứa sau khi nhận số tiền này trong thời hạn 10 ngày sẽ làm xong giấy tờ, nếu làm không xong sẽ trả số tiền này lại cho bà Út. Ông chỉ chứng kiến bà U đưa cho bà G số tiền 7.000.000 đồng, còn số tiền 4.000.000 đồng, bà U đưa cho bà G thì ông không chứng kiến. Ông Huỳnh cam kết lời khai của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai này.

2./ Ông Dương Văn T trình bày: Vào buổi tối ngày 08 nhưng không nhớ tháng nào chỉ nhớ vào năm 2020, bà G có chở bà U đến nhà của ông. Sau đó, bà U mượn của ông số tiền 7.000.000 đồng, ông đưa tiền cho bà U mượn 7.000.000 đồng. Sau đó, Ông thấy bà U đưa số tiền này cho bà G mượn. Hai ngày sau, khoảng 12 giờ trưa, bà G tiếp tục chở bà U đến cửa nhà ông, bà U tiếp tục mượn của ông số tiền 4.000.000 đồng. Do ông không có tiền nên mới kêu vợ ông là bà T đi mượn ở lối xóm, sau đó vợ ông trực tiếp đưa tiền cho bà U mượn 4.000.000 đồng. Sau đó, ông cũng thấy bà U đưa số tiền này cho bà G mà vợ ông vừa mới đưa cho bà U mượn. Lúc vợ ông đưa tiền cho bà U mượn, sau đó bà U đưa cho bà G sự việc lúc đó cũng có mặt bà S. Ông T cam kết lời khai của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai này.

3./ Bà Nguyễn Thị Th lời trình bày: Vào buổi tối ngày 08 tháng 9 năm 2020, bà G có chở bà U đến nhà của bà. Sau đó, bà U mượn của chồng bà là ông T số tiền 7.000.000 đồng để đưa cho bà G mượn, bà thấy ông T đưa tiền cho bà U mượn 7.000.000 đồng, sau đó, bà thấy bà U đưa số tiền này lại cho bà G mượn. Hai ngày sau, khoảng 12 giờ trưa, bà G tiếp tục chở bà U đến nhà của nhà bà, bà U tiếp tục hỏi mượn ông T số tiền 4.000.000 đồng. Do không có tiền nên ông T mới kêu bà đi mượn tiền, bà đi mượn tiền của con gái tên Nguyễn Thị Ngoan để đưa cho bà U mượn. Bà trực tiếp đưa tiền cho bà U mượn 4.000.000 đồng. Sau đó, bà thấy bà U đưa số tiền này cho bà G. Lúc bà đưa tiền cho bà U mượn, sau đó bà U đưa số tiền này cho bà G thì cũng có mặt bà S. Bà T cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai này.

4./ Bà Trần Thị S trình bày: Vào khoảng 12 giờ trưa, nhưng không nhớ rõ ngày tháng chỉ nhớ vào năm 2020, lúc đó bà đang nằm văng tại nhà ông T, bà thấy bà Châu Thị G chở bà U đến nhà ông T. Một lát sau, bà thấy bà G chở bà T ra lộ và khoảng 15 phút sau thấy bà G đi vào nhà ông T, sau đó bà thấy con bà T chở bà T vô nhà ông T. Một lúc sau bà trực tiếp thấy bà U đưa tiền cho bà G 4.000.000 đồng, còn bà U đưa tiền gì cho bà G thì bà không biết, bà chỉ nghe bà G nói “mượn đỡ của bà U số tiền 4.000.000 đồng, ba, bốn ngày sau trả lại cho bà Út, tiền này là tiền mượn chứ không phải tiền gì”, ngồi chơi một lát sau bà thấy bà G chở bà U đi về. Bà S cam kết lời khai của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Áp dụng Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 166, 274, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị U.

Buộc bà Châu Thị G phải trả cho bà Trần Thị U số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 11 tháng 05 năm 2022, bà Châu Thị G có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị U không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Châu Thị G không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Châu Thị G không thừa nhận có việc nhận của bà Trần Thị U số tiền tổng cộng là 11.000.000 đồng nên không đồng ý trả. Đồng thời, đại diện hợp pháp của bà Châu Thị G cũng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là không đúng với bản chất vụ việc, bởi vì nguyên đơn bà Trần Thị U cho rằng có đưa cho bà Châu Thị G 02 lần tiền (Lần thứ nhất là 7.000.000 đồng và lần thứ 2 là 4.000.000 đồng). Đối với số tiền đưa lần thứ 1 thì nguyên và bị đơn đều xác định nguyên nhân đưa tiền là liên quan đến hợp đồng dịch vụ (thuê làm giấy tờ), còn số tiền đưa lần thứ 2 là cho mượn. Tuy nhiên, cả 02 lần này đều không được bà G thừa nhận nên có thể khẳng định là không có giao dịch xảy ra (tức là không có việc bà U giao tiền cho bà Gìn). Cộng lại, theo quy định pháp luật thì người khởi kiện bà Trần Thị U phải có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, trong vụ kiện này bà U cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là có việc giao tiền cho bà G, ngoài những người làm chứng. Xét về mức độ khách quan thì những người làm chứng này là không khách quan vì ông Huỳnh Văn H là chồng của bà U, ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị S là người hàng xóm nhưng trước đó đều có mâu thuẫn với bị đơn nên không được xem là khách quan. Từ đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị U.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự: Qua nghiên cứu toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Châu Thị G và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy nội dung yêu cầu của bà G đã được tòa án cấp sơ thẩm xem xét làm rõ; Mặc dù việc giao nhận tiền giữa bà U cho bà G không có làm biên nhận, tuy nhiên, những người làm chứng có chứng kiến trực tiếp việc bà U giao tiền cho bà Gìn. Bà G cho rằng những người làm chứng có mâu thuẫn với bà nhưng bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh là có mâu thuẫn, từ đó nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị U, buộc Bà Châu Thị G phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị U số tiền 11.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của bà Châu Thị G là còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Châu Thị G nêu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bà, không buộc bà phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị U số tiền 11.000.000 đồng. Xét kháng cáo của bà G, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm hôm nay, mặc dù nguyên đơn không đưa ra được biên nhận nợ do bà Châu Thị G viết. Tuy nhiên, các nhân chứng đồng thời cũng là người liên quan trực tiếp cho bà U mượn tiền để bà U giao lại cho bà G đều xác nhận đây là sự việc có thật, chính bà G chở bà U đến nhà ông T, bà T để mượn tiền và cũng chứng kiến trực tiếp việc bà U giao cho bà G số tiền lần 01 là 7.000.000 đồng và lần 02 là 4.000.000 đồng. Những người làm chứng và cũng là người liên quan trực tiếp đến số tiền này không có mâu thuẫn gì với bà Gìn, thì không có lý do gì phải vu oan cho bà G trong khi số tiền tranh chấp không lớn. Đồng thời, theo thường lệ ở địa phương đối với những người làm dịch vụ giấy tờ đều không tự bỏ khoản tiền của chính mình ra để lo chi phí mà thường ứng trước 01 khoản tiền từ phía người nhờ đi làm giấy tờ. Cho nên việc bà G cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà G cho rằng không có viết biên nhận thì đồng nghĩa với việc không nhận tiền là không đúng.

Từ phân tích nhận định trên, cấp phúc thẩm không có căn cứ để sửa án sơ thẩm theo kháng cáo của bị đơn bà Châu Thị G.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn Châu Thị Gìn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tạm ứng án phí phúc thẩm mà Bà Châu Thị G đã nộp theo biên lai thu số 0010346 ngày 11/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U.

Buộc bà Châu Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị U số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Châu Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 550.000 đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự; bà Trần Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008489 ngày 14/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Châu Thị G phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Châu Thị G đã nộp theo biên lai thu số 0010346 ngày 11/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Kim Châu